

ÔN THI HỌC KỲ I TIN HỌC 12 NĂM HỌC 2023 - 2024

Câu 1. Người nào đã tạo ra các phần mềm ứng dụng đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin từ CSDL

- A. Cả 3 người B. Người dùng cuối C. Người QTCSDL D. Người lập trình ứng dụng

Câu 2. Giả sử table NHANVIEN có field TENNV bắt buộc phải nhập dữ liệu (mỗi nhân viên đều phải có tên), phải đặt thuộc tính nào sau đây cho field TENNV:

- A. Chỉ cần đặt thuộc tính INPUT MASK là YES B. Chỉ cần đặt thuộc tính REQUIRED là YES
C. Chỉ cần đặt thuộc tính VALIDATION RULE là <>" " D. Chỉ cần đặt thuộc tính FORMAT là >

Câu 3. Mẫu tin (Bản ghi - Record) là?

- A. Là một cột của bảng thể hiện một thuộc tính cần quản lí.
B. Là một hàng của bảng gồm dữ liệu về các thuộc tính của đối tượng mà bảng quản lí.
C. Là kiểu giá trị của dữ liệu lưu trong một trường. Mỗi trường có một kiểu dữ liệu.
D. Dùng để lưu dữ liệu về một chủ thể xác định và bao gồm nhiều hàng, mỗi hàng chứa thông tin về một cá thể xác định về chủ thể đó.

Câu 4. Hãy sắp xếp các bước sau để được một thao tác đúng?

- (1) Chọn trang Database Tools/ Relationships; (2) Chọn nút Create
(3) Chọn các bảng để tạo mối liên kết và click Add; (4) Chọn trường liên quan từ các bảng liên kết
A. (2) --> (3) --> (4) --> (1) B. (1) --> (3) --> (4) --> (2)
C. (2) --> (1) --> (3) --> (4) D. (1) --> (2) --> (3) --> (4)

Câu 5. Khi biểu mẫu đang mở, nút lệnh  Design View có ý nghĩa gì?

- A. Mở biểu mẫu đang chọn ở chế độ biểu mẫu để xem và cập nhật dữ liệu
B. Không tồn tại nút lệnh này
C. Chuyển biểu mẫu đang mở ở chế độ thiết kế sang chế độ biểu mẫu
D. Chuyển biểu mẫu đang mở ở chế độ biểu mẫu sang chế độ thiết kế

Câu 6. Giả sử có 2 bảng A và B có quan hệ 1-N với nhau, nếu muốn xóa một mẫu tin trong bảng A (bảng 1) thì Access cũng tự động xóa mẫu tin liên quan trong bảng B (bảng N), trong liên kết (relationship) của 2 bảng này ta chọn:

- A. Không thực hiện được yêu cầu trên B. Cascade Update Related Fields
C. Enforce Referential Integrity D. Cascade Delete Related Records

Câu 7. Khi tạo ra các bảng trong một cơ sở dữ liệu Access, ta nên thực hiện theo trình tự:

- A. Tạo khóa chính, nhập liệu, tạo liên kết. B. Tạo liên kết, tạo khóa chính, nhập liệu.
C. Nhập liệu, tạo khóa chính, tạo liên kết. D. Tạo khóa chính, tạo liên kết, nhập liệu.

Câu 8. Ta có thể sửa dữ liệu trong

- A. Form B. Query C. Cả 3 câu trên đều đúng D. Table

Câu 9. Chọn kiểu dữ liệu nào cho trường điểm Toán, Lý....

- A. AutoNumber B. Number C. Yes/No D. Currency

Câu 10. Điều khẳng định nào dưới đây là sai?

- A. Ngôn ngữ CSDL và hệ QTCSDL thực chất chỉ là một.
B. Người dùng là người khai thác thông tin từ CSDL, thường được phân nhóm. Mỗi nhóm có quyền để truy cập và khai thác khác nhau.
C. Hệ QTCSDL hoạt động độc lập, không phụ thuộc vào hệ điều hành.
D. Hệ QTCSDL nào cũng có một ngôn ngữ riêng.

Câu 11. Để hiển thị thông tin các nhân viên có ngày sinh trước ngày 15/10/1970 gồm MaNV, HoNV, TenNV, NgaySinh. Đặt điều kiện ở field NgaySinh là:

- A. dateserial(1970,10,15) B. <dateserial(1970,10,15) C. <"15/10/1970" D. >##15/10/1970##

Câu 12. Khẳng định câu nào sai?

- A. Trong một Table có thể có 2 trường trùng nhau B. Tên trường (field) có tối đa 64 ký tự
C. Tên trường có thể có ký tự (D. Tên trường có thể có ký tự &&

Câu 13. Dữ liệu của CSDL được lưu trữ ở đâu?

- A. Các biểu mẫu B. Các mẫu hỏi C. Các báo cáo D. Các bảng

Câu 14. Khi tạo cấu trúc bảng, muốn thay đổi tên trường, ta gõ tên trường tại cột

- A. Field Name B. Name Field C. File Name D. Name

Câu 15. Thành phần nào dưới đây thuộc CSDL:

- A. Dữ liệu lưu trong các bản ghi B. Các chương trình phục vụ cập nhật dữ liệu
C. Các chương trình phục vụ tìm kiếm dữ liệu D. Dữ liệu không được lưu trong các bản ghi

Câu 16. Trong 1 table, nếu không có field nào chứa thông tin duy nhất, ta có thể:

- A. Để tự Access tạo thêm một field làm khóa chính B. Chọn nhiều hơn 1 field để tạo khóa chính.
C. Các câu đều đúng D. Tạo thêm 1 field kiểu AutoNumber làm khóa chính

Câu 17. Để hiển thị thông tin các nhân viên có họ là "Nguyễn" gồm MaNV, HoNV, phải đặt điều kiện tại field HoNV (chứa họ và chữ lót của tên nhân viên) là:

- A. ="Nguyễn*" B. Like "Nguyễn" C. Like "Nguyễn*" D. ="Nguyễn"

Câu 18. Toán tử And, là toán tử loại gì?

- A. Số học. B. Số nguyên. C. So sánh. D. Logic.

Câu 19. Xây dựng CSDL được tiến hành theo trình tự các bước sau:

- A. Khảo sát - Thiết kế - Kiểm thử. B. Kiểm thử - Khảo sát - Thiết kế.
C. Thiết kế - Khảo sát - Kiểm thử. D. Khảo sát - Kiểm thử - Thiết kế.

Câu 20. Chọn phát biểu đúng:

- A. Cả 3 câu đều sai B. Một Table có thể chỉ có một Field
C. Xóa bỏ một Query nghĩa là xóa bỏ dữ liệu. D. Query có thể chứa dữ liệu.

Câu 21. Giá trị hằng của dữ liệu kiểu ngày giờ được xác định bởi kí hiệu nào?

- A. #. B. \$. C. %. D. &.

Câu 22. Trong mẫu hỏi, hàm SUM chỉ thực hiện được trên các trường có kiểu dữ liệu?

- A. Yes/No B. Number C. Text D. Date/Time

Câu 23. Giả sử có 2 bảng A và B có quan hệ 1-N với nhau, nếu muốn xóa một mẫu tin trong bảng B (bảng nhiều) thì Access cũng tự động xóa mẫu tin liên quan trong bảng A (bảng 1), trong liên kết (relationship) của 2 bảng này ta chọn:

- A. Cascade Delete Related Records B. Enforce Referential Integrity
C. Cascade Update Related Fields D. Không thực hiện được yêu cầu trên

Câu 24. Cửa sổ Query Design được chia làm mấy khung?

- A. 3. B. 4. C. 2. D. 1.

Câu 25. Trong một Select query, ta phải chọn ít nhất bao nhiêu Table hay Query nguồn:

- A. 0 B. 1 C. 3 D. 2

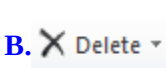
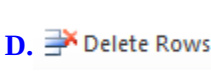
Câu 26. Tên file trong Access đặt theo quy tắc nào?

- A. Phần tên không quá 256 ký tự kể cả dấu trắng, phần đuôi không cần gõ, Access tự gán .ACCDB
B. Phần tên không quá 255 ký tự kể cả dấu trắng, phần đuôi không cần gõ, Access tự gán .ACCDB
C. Phần tên không quá 8 ký tự, phần đuôi không cần gõ, Access tự gán .ACCDB
D. Phần tên không quá 64 ký tự, phần đuôi không cần gõ, Access tự gán .ACCDB

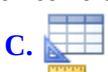
Câu 27. Hệ QTCSDL là:

- A. Phần mềm dùng để thao tác và xử lý các đối tượng trong CSDL B. Phần mềm dùng để tạo lập, lưu trữ CSDL
C. Phần mềm dùng để tạo lập, cập nhật, lưu trữ và khai thác CSDL
D. Phần mềm dùng để khai thác thông tin trong của CSDL

Câu 28. Trong Access, khi chỉ định khoá chính sai, muốn xóa bỏ khoá chính đã chỉ định, ta nháy chuột vào nút lệnh :

- A.  B.  C.  D. 

Câu 29. Khi làm việc với đối tượng bảng, muốn sửa đổi thiết kế cấu trúc bảng, ta chọn nút lệnh

- A.  B.  C.  D. 

Câu 30. Khi sắp xếp dữ liệu trong bảng, ta chọn các cột cần sắp xếp và chọn thứ tự tăng/ giảm(Ascending/Descending) trong ribbon:

- A. Database Tools B. Home C. External Data D. File

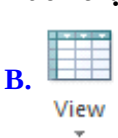
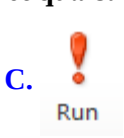
Câu 31. Trong Access có những đối tượng nào dưới đây?

- A. Bảng, Truy vấn. B. Tất cả các câu đều đúng. C. Macro. D. Biểu mẫu, Báo biểu.

Câu 32. Để xóa trường, em chọn trường cần xóa rồi chọn?

- A. Database Tools --> Delete Rows. B. Design --> Insert Rows.
C. Database Tools --> Insert Rows. D. Design --> Delete Rows.

Câu 33. Khi tạo mẫu hỏi xong, muốn thực hiện và xem kết quả của mẫu hỏi vừa tạo, ta chọn nút lệnh:

- A.  B.  C.  D. 

Câu 34. Thành phần cơ sở của Access là gì?

- A. Record B. Table C. Field name D. Field

Câu 35. Hãy sắp xếp các bước sau để được một thao tác đúng?

(1) Chọn nút Create (3) Nhập tên cơ sở dữ liệu (2) Chọn File - New (4) Chọn Blank Database

- A. (2) --> (4) --> (3) --> (1) B. (4) --> (3) --> (2) --> (1)
C. (1) --> (2) --> (3) --> (4) D. (1) --> (3) --> (4) --> (2)

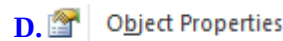
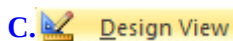
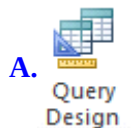
Câu 36. Làm thế nào để giảm thiểu lỗi khi nhập dữ liệu:

- A. Chọn đúng kiểu dữ liệu thích hợp (Data Type) B. Xác định tính hợp lệ của dữ liệu bằng Validation Rule
C. Mô tả kỹ nội dung trường trong cột Description D. Chọn độ dài thích hợp cho các trường (Field Size)

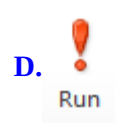
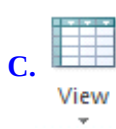
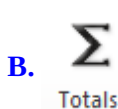
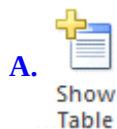
Câu 37. Khi không tạo được mối quan hệ (Relationship) giữa 2 field của 2 table có thể do 2 field đó:

- A. Các câu đều sai B. Cùng kiểu và cùng độ lớn
C. Cùng kiểu, cùng độ lớn nhưng không cùng tên D. Cùng kiểu và khác độ lớn

Câu 38. Trong bảng chọn đối tượng, muốn mở mẫu hỏi đã tạo để sửa thiết kế, ta click phải tại mẫu hỏi và chọn:



Câu 39. Trong mẫu hỏi, để bật chức năng *gộp nhóm* ta chọn nút lệnh:



Câu 40. Biết trường LUONG có kiểu Number chỉ nhận các giá trị từ 500.000 đến 1.000.000, hãy chọn thuộc tính Validation Rule đúng nhất cho trường LUONG:

A. [LUONG]>500000 or [LUONG]<=1000000

B. >=500000 and <=1000000

C. >=500000 or <=1000000

D. 500<[LUONG]<=1000000

Câu 41. Với mỗi quan hệ đã thiết lập, bảng nào là bảng cha (Primary table)

A. Bảng nằm ở đầu đích khi kéo tạo dây quan hệ

B. Cả hai bảng đều là bảng chính

C. Bảng nằm ở đầu nguồn khi kéo tạo dây quan hệ

D. Không có bảng nào là bảng chính

Câu 42. Trong Access, dữ liệu kiểu ngày tháng được khai báo bằng từ ?

A. Date/Type

B. Day/Time

C. Date/Time

D. Day/Type

Câu 43. Công việc thường gặp khi xử lý thông tin của một tổ chức?

A. Tạo lập hồ sơ.

B. Cập nhật hồ sơ.

C. Cả 3 công việc.

D. Khai thác hồ sơ.

Câu 44. Phần mềm Microsoft Access là?

A. Hệ soạn thảo văn bản.

B. Bản tính điện tử.

C. Phần mềm trình chiếu.

D. Hệ quản trị CSDL.

Câu 45. Microsoft Access là hệ quản trị CSDL quan hệ chạy trên hệ điều hành nào?

A. Dos.

B. Windows.

C. Unix.

D. Linux.

Câu 46. Cho biết kết quả của hàm Date()?

A. Trả về ngày hiện tại của hệ thống.

B. Trả về một tháng trong năm.

C. Trả về một ngày trong tháng.

D. Tất cả các câu đều sai.

Câu 47. Khi nhập dữ liệu phải nhập dữ liệu cho bảng nào trước?

A. Bảng quan hệ trước

B. Bảng nào trước cũng được

C. Bảng cha trước

D. Các câu trên đều sai

Câu 48. Để xóa bản ghi trong bảng, ta chọn bản ghi cần xoá rồi

A. nhấn phím Delete và chọn yes

B. chọn nút  (Toggle filter)

C. Chọn nút  (Filter by Form)

D. Chọn nút 

Câu 49. Để tạo quan hệ giữa các bảng trong CSDL, các em mở cửa sổ Relationships bằng cách nào?

A. Chọn Home --> Relationships.

B. Chọn Create --> Relationships.

C. Chọn Database Tools --> Relationships.

D. Chọn External Data --> Relationships.

Câu 50. Xét tệp hồ sơ học bạ của một lớp. Các hồ sơ được sắp xếp tăng dần theo điểm trung bình của học sinh.

Việc nào dưới đây đòi hỏi phải duyệt tất cả các hồ sơ trong tệp?

A. Tìm học sinh có điểm trung bình thấp nhất.

B. Tìm học sinh có điểm trung bình cao nhất.

C. Cả 3 công việc trên

D. Tính điểm trung bình của tất cả học sinh trong lớp.

Câu 51. Một đối tượng trong Access có thể được tạo ra bằng cách:

A. Người dùng tự thiết kế

B. Dùng công cụ Wizard

C. Dùng các mẫu dựng sẵn

D. Thiết kế, dùng công cụ Wizard hoặc kết hợp cả 2 cách

Câu 52. Nên lập mối quan hệ trước hay sau khi nhập dữ liệu cho bảng

A. Trước

B. Phải nhập dữ liệu cho bảng ngay sau khi tạo cấu trúc bảng xong

C. Sau

D. Tùy ý

Câu 53. Biểu thức logic được sử dụng trong trường hợp nào?

A. Gộp nhóm và các điều kiện lọc để tạo mẫu hỏi

B. Các điều kiện lọc để tạo mẫu hỏi và thiết lập bộ lọc cho bảng

C. Thiết lập bộ lọc cho bảng và gộp nhóm

D. Các trường tính toán trong mẫu hỏi và thiết lập bộ lọc cho bảng

Câu 54. Giả sử ta muốn nhập mã hàng của các mặt hàng, giá trị mã hàng gồm cả ký tự và số, ta phải chọn kiểu dữ liệu nào để thiết kế cho trường mã hàng:

A. Kiểu Text- Number

B. Kiểu Text

C. Kiểu Character

D. Kiểu Double-Text

Câu 55. Để khởi động Microsoft Access 2016, em chọn cách nào?

A. Tất cả các câu đều đúng.

B. Chọn Start --> Programs --> Microsoft Office --> Microsoft Office Access 2016.

C. Nháy vào biểu tượng Microsoft Office Access 2016 trên thanh công việc.

D. Nháy đúp vào biểu tượng Microsoft Office Access 2016 trên màn hình nền.

Câu 56. Việc xác định cấu trúc hồ sơ được tiến hành vào thời điểm nào?

- A. Sau khi đã nhập hồ các hồ sơ vào trong máy tính B. Cùng lúc với việc nhập và cập nhật hồ sơ
C. Trước khi nhập hồ sơ vào máy tính D. Trước khi thực hiện các phép tìm kiếm, tra cứu thông tin.

Câu 57. Để thêm bản ghi vào bảng, ta mở bảng ở chế độ dữ liệu và nhấn nút

A. Append Record

B. 

C. 

D. 

Câu 58. Bảng KHACHHANG và HOADON trong CSDL KINH_DOANH được nối với nhau thông qua trường: MA_KHACH_HANG theo quan hệ 1 - ∞. Khi nhập dữ liệu vào bảng ta phải nhập theo thứ tự sau:

- A. Bảng KHACH_HANG → SAN_PHAM B. Bảng HOA_DON → KHACH_HANG
C. Bảng KHACH_HANG → HOA_DON D. Bảng HOA_DON → SAN_PHAM

Câu 59. Bảng (Table) là?

A. Dùng để lưu dữ liệu về một chủ thể xác định và bao gồm nhiều hàng, mỗi hàng chứa thông tin về một cá thể xác định về chủ thể đó.

B. Là kiểu giá trị của dữ liệu lưu trong một trường. Mỗi trường có một kiểu dữ liệu.

C. Là một cột của bảng thể hiện một thuộc tính cần quản lý.

D. Là một hàng của bảng gồm dữ liệu về các thuộc tính của đối tượng mà bảng quản lý.

Câu 60. Khi đang xem dữ liệu trong bảng, muốn sửa đổi thiết kế cấu trúc bảng, ta thực hiện

- A. Create/Table Design B. Click phải tại tên bảng, chọn open
C. Home/ View/ Datasheet View D. Home/View/ Design View

Câu 61. Trong chế độ dữ liệu của bảng, khi chọn nút lệnh  nghĩa là:

- A. Đến bản ghi sau B. Thêm bản ghi mới C. Đến bản ghi cuối cùng D. Về bản ghi đầu tiên

Câu 62. Quy trình nào trong các quy trình dưới đây là hợp lý khi tạo lập hồ sơ cho bài toán quản lý?

- A. Tìm hiểu thực tế -> tìm hiểu bài toán -> xác định dữ liệu -> tổ chức dữ liệu -> nhập dữ liệu ban đầu
B. Tìm hiểu thực tế -> tìm hiểu bài toán -> xác định dữ liệu -> nhập dữ liệu ban đầu -> tổ chức dữ liệu
C. Tìm hiểu bài toán -> tìm hiểu thực tế -> xác định dữ liệu -> nhập dữ liệu ban đầu -> tổ chức dữ liệu
D. Tìm hiểu bài toán -> tìm hiểu thực tế -> xác định dữ liệu -> tổ chức dữ liệu -> nhập dữ liệu ban đầu

Câu 63. Với mỗi quan hệ đã thiết lập, bảng nào là con (Bảng quan hệ /Related table)

- A. Cả hai bảng đều là bảng con B. Bảng nằm ở đầu nguồn khi kéo tạo dây quan hệ
C. Không có bảng nào là bảng con D. Bảng nằm ở đầu đích khi kéo tạo dây quan hệ

Câu 64. Để tạo một Cơ sở dữ liệu mới, em chọn cách nào dưới đây?

- A. Tất cả các câu đều sai. B. Chọn File --> New, Chọn Project trong mục New.
C. Chọn File --> New, Chọn Blank Web trong mục Available Templates.
D. Chọn File --> New, Chọn Blank Database trong mục Available Templates

Câu 65. Khi chọn kiểu dữ liệu (Data type) và độ dài (Field size) cho trường số điện thoại nên chọn loại nào?

- A. Data type: Text; Field size: 15 B. Data type: Number; Field size: Longint
C. Data type: Date/Time; Field size: 15 D. Data type: Autonumber; Field size: Longint

Câu 66. Việc nhập dữ liệu có thể được thực hiện thuận lợi thông qua

- A. Chế độ thiết kế bảng B. Mẫu hỏi C. Biểu mẫu D. Báo cáo

Câu 67. Trong CSDL có cột NgaySinh chứa thông tin ngày sinh. Để tính Tuổi thì biểu thức số học nào sau đây đúng?

- A. TUOI: Year(Date())-[NgaySinh] B. TUOI: year([NgaySinh])-Year(Date())
C. TUOI: Year(Date())-Year([NgaySinh]) D. TUOI: Date()-[NgaySinh]

Câu 68. Trong khi làm việc với cấu trúc bảng, muốn xác định khóa chính, ta thực hiện chọn trang:/ Primary key

- A. Home B. Design C. Create D. Database Tools

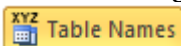
Câu 69. Kiểu dữ liệu nào không có trong Access?

- A. Number. B. Text. C. Date/Time. D. Integer.

Câu 70. Xét tập hồ sơ học bạ của một lớp, các hồ sơ được xếp tăng dần theo điểm trung bình của học sinh, việc nào dưới đây không cần phải duyệt tất cả các hồ sơ trong tập.

- A. Tính điểm trung bình của tất cả học sinh trong lớp B. Lọc những học sinh có điểm trung bình trên 6
C. Tính và so sánh điểm trung bình của học sinh nam và học sinh nữ
D. Tìm học sinh có điểm trung bình cao nhất

Câu 71. Trong chế độ thiết kế mẫu hỏi, muốn bật/ tắt dòng tên bảng trong vùng lưới QBE ta chọn

 trong trang:

- A. Home B. Database tools C. Create D. Design

Câu 72. Khi tạo biểu mẫu để nhập dữ liệu thì ta bắt buộc phải:

- A. Xác định hành động cho biểu mẫu đó; B. Chọn bố cục cho biểu mẫu
C. Nhập tên cho biểu mẫu D. Xác định dữ liệu nguồn cho biểu mẫu

Câu 73. Khi chọn dữ liệu cho các trường chỉ chứa một trong hai giá trị như gioitinh, trường đơn đặt hàng đã hoặc chưa giải quyết...nên chọn kiểu dữ liệu nào để sau này nhập dữ liệu cho nhanh?

A. Text B. Auto Number C. Yes/No D. Number

Câu 74. Tập tin trong Access được gọi là

A. Bảng B. Tập tin truy cập dữ liệu C. Tập tin cơ sở dữ liệu D. Tập tin dữ liệu

Câu 75. Biểu thức số học được sử dụng mô tả nào sau đây?

A. Gộp nhóm B. Các điều kiện lọc để tạo mẫu hỏi
C. Thiết lập bộ lọc cho bảng D. Các trường tính toán trong mẫu hỏi

Câu 76. Tăng đơn giá bảng SANPHAM lên 10%, dòng lệnh nào được chọn để thực thi:

A. $10/100*[DonGia]$ B. $1.1*[DonGia]$ C. $0.1*DonGia$ D. $1.1*DonGia$

Câu 77. Để hiển thị thông tin các nhân viên có địa chỉ ở đường Trần Hưng Đạo, đặt điều kiện tại cột DiaChi (biết rằng cột DiaChi chứa số nhà, đường, phường):

A. Like "Trần Hưng Đạo" B. Like "Trần Hưng Đạo*" C. Like "*Trần Hưng Đạo*" D. Like "*Trần Hưng Đạo"

Câu 78. Để thêm trường, em click tại vị trí cần chèn thêm trường rồi chọn?

A. Design --> Delete Rows. B. Database Tools --> Delete Rows.
C. Design --> Insert Rows. D. Database Tools --> Insert Rows.

Câu 79. Trong Access, kiểu dữ liệu số được khai báo bằng từ?

A. Text B. Integer C. Number D. Currency

Câu 80. Trong cửa sổ ở chế độ thiết kế form, ta không thể thực hiện:

A. Thay đổi kích thước trường. B. Thay đổi nội dung các tiêu đề
C. Di chuyển các trường. D. Thay đổi nội dung trường

Câu 81. Chọn phát biểu sai:

A. Để xóa bản ghi trong bảng, ta chọn bản ghi rồi nhấn phím Delete, chọn Yes để hoàn tất xoá.
B. Sau khi cập nhật thì access tự động lưu dữ liệu xuống bảng khi người dùng di chuyển con nháy ra khỏi dòng đó.
C. Có thể sử dụng phím Tab để di chuyển qua lại giữa các ô trong bảng ở chế độ trang dữ liệu
D. Để thêm bản ghi vào bảng, ta mở bảng ở chế độ dữ liệu và nhấn nút **Append Record**

Câu 82. Biết field DIEM có kiểu number chỉ nhận các giá trị từ 0 đến 10, hãy chọn thuộc tính Validation Rule đúng nhất cho field DIEM:

A. $0 < (diem) \leq 10$ B. ≥ 0 or ≤ 10 C. $> (Diem) \leq 10$ D. ≥ 0 and ≤ 10

Câu 83. Trong Access, cụm từ Data Type có ý nghĩa gì?

A. Thuộc tính của trường B. Kiểu dữ liệu C. Thuộc tính của bản ghi D. Độ rộng của trường

Câu 84. Biết trường [DonGia] có kiểu số và trường này chỉ nhận dữ liệu là giá trị dương, để thiết lập ràng buộc thỏa tính chất trên, ta có thể đặt thuộc tính:

A. Validation Rule: > 0 B. Default Value: > 0 C. Format: 0 D. Field Size: Long integer

Câu 85. Trong Access, sử dụng những loại hàm nào dưới đây?

A. Hàm toán học và lượng giác. B. Hàm ngày và giờ.
C. Tất cả các câu đều đúng. D. Hàm xử lý kiểu Text.

Câu 86. Trong khi tạo cấu trúc bảng, muốn thay đổi kích thước của trường, ta xác định giá trị mới tại:

A. Field Size B. Field Name C. Description D. Data Type

Câu 87. Trong Access có những kiểu dữ liệu nào?

A. Real, Boolean. B. Number, Text. C. Integer, Word. D. Byte, Char.

Câu 88. Ký hiệu số 1 trên đầu dây quan hệ nhằm cho biết

A. trường đó không có khóa ngoại B. Trường đó không có khóa chính
C. Trường đó có khóa chính D. Trường đó có khóa ngoại

Câu 89. Muốn xóa bỏ mối liên kết (relationship) của các bảng, ta thực hiện:

A. Chọn liên kết và xóa bỏ liên kết B. Xóa các liên kết 1-N
C. Xóa bỏ các bảng D. Không thể xóa được các liên kết đã thiết lập

Câu 90. Có thể dùng đối tượng nào để cập nhật dữ liệu ?

A. Bảng, mẫu hỏi, báo cáo. B. Bảng, biểu mẫu, báo cáo.
C. Bảng, biểu mẫu, mẫu hỏi. D. Biểu mẫu, mẫu hỏi, báo cáo.

Câu 91. Bản ghi của Table chứa những gì?

A. Chứa tên trường B. Chứa giá trị của các cột mà bảng quản lý.
C. Chứa tên cột D. Chứa giá trị một trường nào đó của bảng.

Câu 92. Trong Access, có những kiểu quan hệ nào?

A. 1:1 B. 1:n C. n:n D. 1:1 và 1:n

Câu 93. Thao tác nào không thể thực hiện được trong chế độ thiết kế biểu mẫu:

A. Thêm bản ghi mới B. Tạo những nút lệnh để người dùng thao tác với dữ liệu thuận tiện hơn.
C. Thay đổi vị trí, kích thước các đối tượng trên biểu mẫu D. Định dạng font chữ

Câu 94. Nút lệnh  có ý nghĩa gì?

A. Xác định khóa chính B. Cài mật khẩu cho tệp CSDL C. Khởi động Access D. Mở tệp CSDL

Câu 95. Tên của trường trong bảng có thể thay đổi ở đâu?

A. Trong chế độ trang dữ liệu B. Không thể thay đổi được

C. Trong chế độ biểu mẫu

D. Trong chế độ thiết kế

Câu 96. Trường (Field) là?

A. Là một hàng của bảng gồm dữ liệu về các thuộc tính của đối tượng mà bảng quản lí.

B. Là kiểu giá trị của dữ liệu lưu trong một trường. Mỗi trường có một kiểu dữ liệu.

C. Là một cột của bảng thể hiện một thuộc tính cần quản lí.

D. Dùng để lưu dữ liệu về một chủ thể xác định và bao gồm nhiều hàng, mỗi hàng chứa thông tin về một cá thể xác định của chủ thể đó.

Câu 97. Khi nhập dữ liệu cho 1 table thì field làm khóa chính:

A. Cho phép trùng giữa các record trong cùng một table đó

B. Bắt buộc phải nhập

C. Chỉ cho phép kiểu Text

D. Cho phép để trống

Câu 98. Kiểu dữ liệu (Data type) là?

A. Dùng để lưu dữ liệu về một chủ thể xác định và bao gồm nhiều hàng, mỗi hàng chứa thông tin về một cá thể xác định về chủ thể đó.

B. Là một hàng của bảng gồm dữ liệu về các thuộc tính của đối tượng mà bảng quản lí.

C. Là một cột của bảng thể hiện một thuộc tính cần quản lí.

D. Là kiểu giá trị của dữ liệu lưu trong một trường. Mỗi trường có một kiểu dữ liệu.

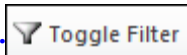
Câu 99. Giả sử có Table NHANVIEN gồm các field: MaNV, MaDonVi, HoTen, MucLuong. Để tính BHXH = 5% MucLuong, ta lập field tính toán như sau:

A. [BHXH]: 0.05*[MucLuong]

B. BHXH: 0.5*[MucLuong]

C. BHXH: 0.05*[MucLuong]

D. BHXH = 5/100*[MucLuong]

Câu 100. Muốn bỏ lọc ta chọn nút lệnh nào sau đây:A.  SelectionB.  DeleteC.  Toggle FilterD.  Filter By Form**Câu 101.** Hãy chọn câu ghép chính xác nhất về Chế độ biểu mẫu

A. Là chế độ dùng để tạo biểu mẫu

B. Là loại đối tượng trong Access dùng để hiển thị dữ liệu trong bảng dưới dạng thuận tiện để xem, nhập và sửa dữ liệu; thực hiện các thao tác thông qua nút lệnh

C. Được sử dụng để để làm việc trên cấu trúc của biểu mẫu

D. Có giao diện thân thiện và thường được dùng để cập nhật dữ liệu

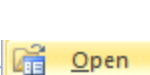
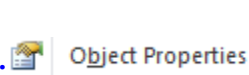
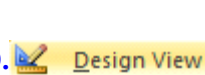
Câu 102. Kiểu dữ liệu nào cho field HOTEN cho phép nhập họ và tên vào field này:

A. Byte

B. String

C. Yes/No

D. Text

Câu 103. Trong bảng chọn đối tượng, muốn mở mẫu hỏi đã tạo để xem kết quả mới nhất, ta click phải tại mẫu hỏi và chọn:A.  Query DesignB.  OpenC.  Object PropertiesD.  Design View**Câu 104.** Để thoát khỏi Microsoft Access 2016, em chọn cách nào dưới đây?

A. Chọn File --> Exit.

B. Nháy vào nút Close (X) trên thanh tiêu đề.

C. Tất cả các câu đều đúng.

D. Nhấn tổ hợp phím Alt + F4.

Câu 105. Những công việc sắp xếp, tìm kiếm, thông kê, lập báo cáo thuộc công việc nào khi xử lý thông tin của một tổ chức?

A. Cập nhật hồ sơ.

B. Cả 3 công việc trên.

C. Tạo lập hồ sơ.

D. Khai thác hồ sơ.

Câu 106. Giả sử trường DIACHI trong bảng NHANVIEN được khai báo kiểu Text, phần thuộc tính Field size được nhập là 30. Điều này có nghĩa là:

A. Có thể nhập dữ liệu cho trường 30 ký tự không kể ký tự số

B. Phải nhập dữ liệu tối thiểu cho trường là 30 ký tự

C. Chỉ có thể nhập dữ liệu tối đa cho trường là 30 ký tự.

D. Phải nhập dữ liệu cho trường đủ 30 ký tự

Câu 107. Nguồn dữ liệu cho một Query là:

A. Table, Query

B. Table

C. Table, Report

D. Các câu đều đúng

Câu 108. Để lưu trữ và khai thác thông tin bằng máy tính cần phải có?

A. Cơ sở dữ liệu.

B. Cả 3 thành phần.

C. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu.

D. Các thiết bị vật lý (máy tính, đĩa cứng, mạng...)